

Số: 3022/QĐ-ĐHSG-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Sài Gòn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 148/2016/QĐ-UBND-TC ngày 13/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn;

Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Sài Gòn tại phiên họp ngày 31 tháng 10 năm 2017;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

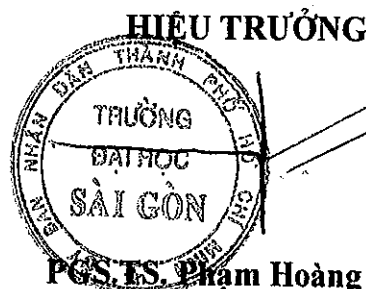
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Sài Gòn.

Điều 2. Quy chế này thay thế các văn bản trước đây của Nhà trường có quy định về công tác đào tạo. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *././*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT và các PHT;
- Lưu: VP, P.ĐT.



PGS.TS. Phạm Hoàng Quân



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2017

QUY CHẾ
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3022/QĐ-ĐHSG-ĐT, ngày 01 tháng 12 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

Chương 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này cụ thể hóa Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm các quy định về tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo đại học hệ chính quy theo hình thức tích lũy tín chỉ cùng giảng viên và cán bộ viên chức thực hiện các nhiệm vụ đào tạo có liên quan của Trường Đại học Sài Gòn.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) gồm những thông tin cơ bản về trình độ đào tạo, đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp, mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức và kỹ năng mà sinh viên cần đạt được khi tốt nghiệp, khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành và thực tập, kế hoạch dạy học theo thời gian thiết kế, phương pháp và hình thức dạy học, cách thức đánh giá kết quả học tập và các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành đào tạo và có cấu trúc gồm các học phần thuộc hai khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết học phần gồm những thông tin về số lượng tín chỉ, điều kiện học trước hoặc điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, kế hoạch dạy học, cách thức đánh giá của học phần, giáo trình, tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện thí nghiệm và thực hành của học phần.

4. Hiệu trưởng ban hành chương trình của các ngành đào tạo có khối lượng kiến thức tích lũy tối thiểu (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc

phòng - an ninh): 132 tín chỉ đối với các ngành đào tạo cử nhân có thời gian thiết kế 4,0 năm; 150 tín chỉ đối với các ngành đào tạo kỹ sư có thời gian thiết kế 4,5 năm.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 02 đến 04 tín chỉ. Mỗi học phần có nội dung được tổ chức dạy học một cách trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ; kiến thức trong mỗi học phần gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế, được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc ở dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần của mỗi chương trình được ký hiệu bằng một mã số riêng.

2. Có hai loại học phần:

a) Học phần bắt buộc bao gồm những kiến thức và kỹ năng chính yếu thuộc chương trình của mỗi ngành đào tạo và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn bao gồm những kiến thức và kỹ năng cần thiết mà sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Nhà trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn của ngành đào tạo hoặc được tự tùy chọn để tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình của ngành đào tạo.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Mỗi tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết, 30-45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận, 45-90 giờ thực tập tại cơ sở, 45-60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp. Để tiếp thu được một tín chỉ của học phần lý thuyết hay thực hành, thí nghiệm, thực tế chuyên môn, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Mỗi tiết học tín chỉ được tính bằng 50 phút.

4. Hiệu trưởng quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần, quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên đối với các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành hay thực tập, số giờ chuẩn bị nội dung tự học cho sinh viên, số giờ đánh giá kết quả tự học của sinh viên và tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.

Điều 4. Thời gian dạy học

1. Thời gian dạy học của giảng viên và sinh viên được tính từ 7g00 đến 20g00 trong các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 7 hàng tuần.

2. Căn cứ số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và cơ sở vật chất của Trường, Phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp học.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Nhà trường đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ theo các tiêu

chỉ dưới đây:

1. Số tín chỉ của các học phần được sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (sau đây gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ bằng trung bình cộng của điểm các học phần được sinh viên đăng ký học trong học kỳ với trọng số là số tín chỉ tương ứng của mỗi học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy bằng tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã học và được đánh giá điểm chữ A, B, C hoặc D tính từ đầu khóa học cho đến thời điểm xem xét.

4. Điểm trung bình chung tích lũy bằng trung bình cộng của điểm các học phần đã đánh giá điểm chữ A, B, C hoặc D và quy thành điểm số theo thang điểm 4 mà sinh viên tích lũy được từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét với trọng số là số tín chỉ tương ứng của mỗi học phần.

Chương 2 **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

Điều 6. Thời gian đào tạo và kế hoạch tổ chức đào tạo

1. Nhà trường tổ chức đào tạo trình độ đại học hệ chính quy bằng hình thức tích lũy tín chỉ theo khóa học, năm học và học kỳ:

a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành việc học tập một chương trình: từ bốn đến sáu năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng trung cấp khác ngành đào tạo; từ hai năm rưỡi đến dưới bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b) Năm học là thời gian thiết kế cho việc học tập của sinh viên gồm 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ; mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 03 tuần thi; mỗi học kỳ phụ có ít nhất 05 tuần thực học và 01 tuần thi.

2. Hiệu trưởng quy định số học phần cho từng học kỳ và từng năm học của mỗi khóa học căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu đã quy định cho chương trình của từng ngành đào tạo.

3. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo gồm thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại Khoản 1 Điều này cộng với 02 học kỳ chính đối với khóa học từ một năm rưỡi đến hai năm học, 04 học kỳ chính đối với khóa học từ hai

năm rưỡi đến dưới bốn năm học, 06 học kỳ chính đối với khóa học từ bốn năm đến sáu năm học. Trường hợp đặc biệt, do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học, người đăng ký nhập học phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ do người đăng ký nhập học nộp phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại Phòng Công tác sinh viên.

2. Khi đủ điều kiện nhập học, người đăng ký nhập học được Hiệu trưởng ký quyết định công nhận là sinh viên chính thức và được Nhà trường cấp Thẻ sinh viên, Sổ tay sinh viên.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải hoàn thành trong thời hạn được quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của khóa học, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học và tổ chức lớp học

1. Sinh viên nhập học được Nhà trường sắp xếp vào học theo chương trình hiện hành của ngành đào tạo đã đăng ký xét tuyển và trúng tuyển.

2. Lớp học được tổ chức theo từng học phần (sau đây gọi tắt là lớp học phần) dựa vào khối lượng học tập đã đăng ký của sinh viên ở từng học kỳ.

3. Hiệu trưởng quy định mức tối thiểu về số lượng sinh viên cho mỗi lớp học phần (tùy theo từng loại học phần được triển khai dạy học). Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn mức tối thiểu đã quy định, lớp học phần sẽ bị hủy và sinh viên phải đổi sang đăng ký học phần khác có lớp học nếu đăng ký chưa đủ khối lượng học tập tối thiểu quy định cho mỗi học kỳ.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Vào đầu năm học, Nhà trường thông báo lịch trình dạy học dự kiến cho từng học kỳ của mỗi khóa học, danh sách học phần bắt buộc và học phần tự chọn dự kiến triển khai dạy học, đề cương chi tiết của từng học phần, điều kiện học trước hoặc điều kiện tiên quyết (nếu có) đối với mỗi học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần.

2. Ở mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, sinh viên phải đăng ký học các học phần sẽ học trong học kỳ đó với Phòng Đào tạo. Có 3 hình

thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ:

- a) Đăng ký sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 02 tháng;
- b) Đăng ký bình thường được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 02 tuần;
- c) Đăng ký muộn được thực hiện trong 02 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong 01 tuần đầu của học kỳ phụ dành cho sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đổi sang đăng ký học phần khác có lớp học.

3. Khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ chính (học kỳ phụ được tính gộp vào học kỳ chính kế trước và không quy định khối lượng học tập tối thiểu) mà sinh viên phải đăng ký theo quy định dưới đây:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ cuối khóa học) đối với sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ cuối khóa học) đối với sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính (không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của sinh viên được xếp hạng học lực bình thường).

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học trong từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện học trước hoặc điều kiện tiên quyết (nếu có) của mỗi học phần và đảm bảo trình tự dạy học đối với chương trình của mỗi ngành đào tạo.

6. Ở mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo tổ chức cho sinh viên đăng ký và xác nhận đăng ký học phần cùng khối lượng học tập trên website Thông tin đào tạo của Trường bằng tài khoản online cá nhân được cung cấp.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được thực hiện trong 02 tuần đầu của học kỳ chính, trong 01 tuần đầu của học kỳ phụ. Ngoài thời hạn vừa nêu, học phần xin rút vẫn được giữ nguyên trạng thái được đăng ký và nếu bỏ lớp học phần này, xem như sinh viên tự ý bỏ học và phải nhận điểm F. Trường hợp đặc biệt, Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

- a) Sinh viên phải tự viết đơn xin rút học phần gửi Phòng Đào tạo;
- b) Được cố vấn học tập chấp thuận và đề nghị cho rút học phần;
- c) Không vi phạm Khoản 3 Điều 10 Quy chế này.

Lưu ý: sinh viên chỉ được phép bỏ lớp học phần đối với học phần xin rút, sau khi

giảng viên phụ trách nhận được giấy báo của Phòng Đào tạo.

Điều 12. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho tới khi đạt điểm A, B, C hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn khác tương đương.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần tự chọn đạt điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa phụ trách ngành đào tạo trong vòng 01 tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và xếp hạng học lực

1. Ở mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức đã tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo:

a) Sinh viên năm thứ nhất từ 01 đến 33 tín chỉ, sinh viên năm thứ hai từ 34 đến 66 tín chỉ, sinh viên năm thứ ba từ 67 đến 99 tín chỉ, sinh viên năm thứ tư từ 100 đến tối thiểu 132 tín chỉ đối với khóa học của các ngành đào tạo cử nhân;

b) Sinh viên năm thứ nhất từ 01 đến 30 tín chỉ, sinh viên năm thứ hai từ 31 đến 60 tín chỉ, sinh viên năm thứ ba từ 61 đến 90 tín chỉ, sinh viên năm thứ tư từ 90 đến 120 tín chỉ, sinh viên năm thứ năm từ 121 đến tối thiểu 150 tín chỉ đối với khóa học của các ngành đào tạo kỹ sư.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu khi có điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập ở học kỳ chính kế trước để xếp hạng học lực cho sinh viên.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc bị tai nạn phải điều trị trong thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trong trường hợp này, sinh viên phải học tại Trường ít nhất một học kỳ, không thuộc diện bị buộc thôi học theo quy định tại Điều 16 Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

2. Sinh viên đã nghỉ học tạm thời, muốn trở lại học tiếp phải viết đơn gửi Hiệu trưởng (qua Phòng Công tác sinh viên) trong ít nhất 01 tuần trước khi bước vào học tập.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Nhà trường xét cảnh báo kết quả học tập và xét buộc thôi học theo từng học kỳ, trong đó học kỳ phụ được tính gộp vào học kỳ chính kế trước.

2. Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập trong trường hợp: có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo. Việc cảnh báo kết quả học tập nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém xác lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học.

3. Sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau:

- a) Quá hai lần bị cảnh báo liên tiếp đối với kết quả học tập trong thời gian theo học tại Trường;

- b) Quá thời gian tối đa được phép học tập tại Trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy chế này;

- c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

4. Chậm nhất sau 01 tháng kể từ khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Nhà trường sẽ ra thông báo trả về địa phương, nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trong trường hợp tại Trường hoặc trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc có chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, sinh viên bị buộc thôi học theo quy định tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản 3 Điều này được quyền xin chuyển qua học các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình đã học. Việc bảo lưu kết quả học tập của sinh viên đối với từng học phần do Hiệu trưởng xem

xét cụ thể và quyết định.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo của chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo của chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ 1 năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ ở một trong hai chương trình đạt dưới 2,00 thì sinh viên phải dừng học chương trình thứ hai tại học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

4. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, khi đã có đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình thứ nhất.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau:

a) Trong thời gian học tập, gia đình chuyển nơi cư trú hoặc có hoàn cảnh khó khăn, nên phải chuyển trường để gần nơi cư trú mới của gia đình hoặc để thuận lợi hơn cho việc học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang theo học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và Hiệu trưởng trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung nhưng không trúng

tuyển hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển (cùng năm dự thi tuyển sinh) vào ngành hay nhóm ngành của trường xin chuyển đến;

- b) Sinh viên thuộc diện ngoài vùng tuyển đã quy định của trường xin chuyển đến;
- c) Sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm cuối của khóa học;
- d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên có nguyện vọng chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, quyết định việc học tập của sinh viên, công nhận các học phần sinh viên được chuyển đổi kết quả học tập và quy định các học phần sinh viên phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh về chương trình đào tạo với trường sinh viên chuyển đi.

Chương 3 KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) là tổng điểm điểm đánh giá bộ phận nhân với trọng số tương ứng theo quy định tại đề cương chi tiết học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc với trọng số không dưới 50%;

b) Việc lựa chọn hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và cách tính điểm học phần do giảng viên đề xuất, nhưng phải được Hiệu trưởng phê duyệt và được quy định tại đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tế chuyên môn:

a) Sinh viên phải tham dự và thực hiện đầy đủ các bài thực hành, thí nghiệm, thực tế chuyên môn theo yêu cầu của giảng viên phụ trách và được quy định đề cương chi tiết học phần;

b) Điểm học phần là tổng điểm các bài thực hành, thí nghiệm, thực tế chuyên môn nhân với trọng số tương ứng theo quy định tại đề cương chi tiết của học phần.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm đánh giá bộ phận, trừ ra đề thi và chấm thi kết thúc học phần.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và khi có điều kiện sẽ tổ

chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ (nếu có) sẽ dành cho những sinh viên được phép không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Trong mỗi học kỳ, Nhà trường có khoảng thời gian ít nhất 01 tuần dành cho sinh viên ôn thi kết thúc học phần. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung dạy học đã quy định trong đề cương chi tiết học phần. Việc tổ chức ra đề thi hay lấy từ ngân hàng đề thi để thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quyết định.

2. Các học phần được tổ chức thi kết thúc bằng một trong những hình thức như thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, làm tiểu luận, làm bài tập lớn hoặc kết hợp các hình thức vừa nêu. Hiệu trưởng duyệt hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc học phần phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn. Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp phải được công bố công khai ngay sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm, các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

5. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo trong thời gian chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính và nếu được trưởng khoa cho phép, thi được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có) và điểm thi kết thúc học phần của sinh viên thuộc diện này được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, sinh viên sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần bằng tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận nhân với trọng số tương ứng:

a) Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) làm tròn đến một chữ số thập phân, tiếp theo quy thành điểm chữ, rồi thành điểm số theo thang điểm 4 (từ 0 đến 4) để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ như *Bảng 1* dưới đây:

Bảng 1

Điểm học phần (thang điểm 10)	Điểm học phần (thang điểm chữ)	Điểm học phần (thang điểm 4)	Xếp hạng	Xếp loại
8,5-10	A	4	Giỏi	Đạt
7,0-8,4	B	3	Khá	
5,5-6,9	C	2	Trung bình	
4,0-5,4	D	1	Trung bình yếu	
0,0-3,9	F	0	Kém	Không đạt

b) Đối với học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, để xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: học phần chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: học phần chưa nhận được kết quả thi.

c) Đối với những học phần được Nhà trường cho phép chuyển điểm, để xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại và xếp hạng các mức điểm A, B, C, D, F như *Bảng 1* Điểm a Khoản 2 Điều này được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi có đủ các điểm đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua, sau khi nhận được điểm thi kết thúc học phần.

4. Mức điểm F ngoài trường hợp nêu ở Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Ký hiệu I được áp dụng cho những trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm

hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi và được trường khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan và được trường khoa chấp thuận. Ngoài trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định, trước khi bắt đầu học kỳ tiếp theo, sinh viên nhận mức điểm I phải hoàn thành các nội dung kiểm tra hoặc thi bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp chưa hoàn thành các nội dung vừa nêu và chưa chuyển điểm nhưng không thuộc vào diện bị buộc thôi học, sinh viên vẫn được học tiếp ở các học kỳ tiếp theo.

6. Ký hiệu X được áp dụng cho những học phần mà Phòng Đào tạo của chưa nhận được báo cáo từ khoa về kết quả học tập của sinh viên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi kết thúc sớm để tạo điều kiện cho sinh viên học vượt;

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo thang điểm 4 làm tròn đến hai chữ số thập phân dựa trên điểm số đã được quy thành từ điểm chữ của các học phần thể hiện ở *Bảng 1* Điểm a Khoản 2 Điều 22 Quy chế này.

2. Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy như sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó: A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy; a_i là điểm của học phần thứ i ; n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ; n là tổng số học phần.

3. Điểm trung bình chung học kỳ được tính để xét học bổng, khen thưởng, cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học sau mỗi học kỳ và chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung tích lũy được tính để xếp hạng học lực sinh viên, xếp hạng tốt nghiệp và được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương 4

XÉT TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Thực tập cuối khóa, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp

1. Trong hai học kỳ cuối khóa học, sinh viên được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp hoặc đăng ký học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp theo quy định trong chương trình của ngành đào tạo.

2. Khóa luận tốt nghiệp áp dụng cho sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy của 06 học kỳ đầu khóa đối với các ngành đào tạo cử nhân hoặc của 07 học kỳ đầu khóa đối với các ngành đào tạo kỹ sư đạt từ 2,50 trở lên. Khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng không quá 14 tín chỉ đối với tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học của Trường.

3. Sinh viên không được giao làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi các học phần thay thế có tổng số tín chỉ tương đương khóa luận tốt nghiệp theo quy định tại chương trình của mỗi ngành đào tạo.

4. Thực tập cuối khóa, thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc đối với tất cả các ngành đào tạo, có khối lượng từ 04 đến 06 tín chỉ và do các khoa/ ngành tổ chức trong hai học kỳ cuối của khóa học và kéo dài từ 06 đến 12 tuần theo quy định tại chương trình đào tạo:

a) Sinh viên thực tập cuối khóa, thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, doanh nghiệp là những đơn vị sử dụng lao động có hoạt động và có các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với các ngành đào tạo của Trường;

b) Sinh viên phải thực hiện đầy đủ nội dung công việc và các bài thực tập cuối khóa, thực tập tốt nghiệp đã quy định trong đề cương chi tiết học phần theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và đơn vị nhận thực tập;

c) Việc đánh giá kết quả thực tập cuối khóa, thực tập tốt nghiệp của sinh viên do giảng viên hướng dẫn cùng lãnh đạo đơn vị nhận thực tập đảm nhiệm.

d) Điểm học phần thực tập cuối khóa, thực tập tốt nghiệp của sinh viên là tổng điểm của các nội dung công việc và các bài thực tập nhân với trọng số tương ứng được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điều 25. Đánh giá khóa luận tốt nghiệp

1. Các khoa/ ngành đào tạo tổ chức đánh giá khóa luận tốt nghiệp; việc đánh giá khóa luận tốt nghiệp phải do ít nhất 02 giảng viên đảm nhiệm.

2. Điểm học phần khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ thể hiện

tại *Bảng 1* Khoản 2, Điều 22 Quy chế này và được quy thành điểm số tương ứng theo thang điểm 4 để tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại hoặc đăng ký học các học phần thay thế có tổng số tín chỉ tương đương khóa luận tốt nghiệp.

Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

a) Đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức tối thiểu thuộc chương trình của ngành đào tạo theo quy định tại Điều 2 Quy chế này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên, đáp ứng đủ yêu cầu chuẩn ra ngoại ngữ và tin học;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần chuyên ngành (nếu có) và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;

e) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

g) Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp vượt hoặc trễ tiến độ khi so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng xét tốt nghiệp Trường lập danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp và tổ chức họp để xét công nhận tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, trưởng Phòng Đào tạo làm Thư ký thường trực và thành viên khác gồm các trưởng đơn vị liên quan.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình và loại hình đào tạo

1. Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp đại học theo ngành đào tạo; hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học thể hiện ở *Bảng 2* dưới đây:

Bảng 2

TT	Mức điểm trung bình chung tích lũy toàn khoa học	Hạng tốt nghiệp
----	--	-----------------

1	Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00	Loại xuất sắc
2	Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59	Loại giỏi
3	Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19	Loại khá
4	Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49	Loại trung bình

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp:

a) Có tổng số tín chỉ của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với khối lượng kiến thức tích lũy tối thiểu quy định cho chương trình của ngành đào tạo;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập tại Trường.

3. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần; trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại Khoản 1 Điều 26 Quy chế này đối với một số chương trình tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì tương ứng sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau.

5. Trong trường hợp còn nợ chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh hoặc chưa hoàn thành học phần Giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong vòng 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, sinh viên được trở về Trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường và nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Quy chế này.

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Sinh viên vi phạm quy chế trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khóa luận tốt nghiệp, sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Ngoài trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.



Chương 5
TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN
VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ban Giám hiệu có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban, khoa triển khai thực hiện các nhiệm vụ của công tác đào tạo theo đúng quy định liên quan tại Quy chế này.

2. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban Giám hiệu trong việc chỉ đạo công tác xây dựng, chỉnh lý, cập nhật và phát triển các chương trình đào tạo, chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo của Trường theo đúng các quy định tại Quy chế này.

3. Các phòng, ban, khoa có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công liên quan đến công tác đào tạo theo đúng các quy định tại Quy chế này.

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này thay thế các văn bản trước đây của Trường có quy định về đào tạo đại học hệ chính quy. Bãi bỏ mọi quy định trước đây của Nhà trường về công tác đào tạo đại học trái với Quy chế này.

2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành. / *20-*



PHỤ LỤC ĐIỀU 2
QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3022/QĐ-ĐHSG-ĐT –
ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)*

1. Chương trình đào tạo phải được tổ chức cập nhật và đánh giá định kỳ 02 năm một lần theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành *Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.*

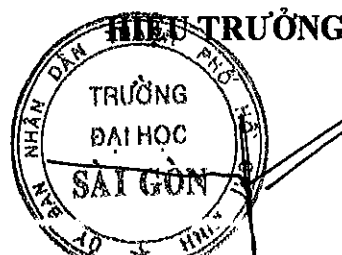
2. Quy trình cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo:

a) Bước 1: Phòng Đào tạo lập kế hoạch cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo;
b) Bước 2: Các ngành đào tạo thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của Nhà nước, của Trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế - xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...);

c) Bước 3: Các ngành đào tạo đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo;

d) Bước 4: Các ngành đào tạo dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua;

đ) Bước 5: Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung. / *TC*



PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

